TỔNG CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH
Số: 01 /2020/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 06 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình;
- Nội dung và kết quả cuộc họp thường niên năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình được tổ chức lúc 8 giờ 30 phút ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Văn phòng Công ty ICD Tân Cảng - Long Bình, số 10, Phan Đăng Lưu, Khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1.

Thông qua ***Báo cáo kết quả kinh doanh, đầu tư, lao động tiền lương 2019 và kế hoạch 2020,*** với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. **Kết quả kinh doanh năm 2019:**

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	
		Năm 2018	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	398.027	390.775
2	Lợi nhuận trước thuế	75.836	71.590
3	Thuế TNDN	14.740	13.775
4	Tổng Lợi nhuận sau thuế	61.097	57.815

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH
Ký ngày: 13/6/2020 09:50:14

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ THỰC HIỆN	
		Năm 2018	Năm 2019
5	Tỷ suất sinh lời sau thuế trên vốn cổ phần (ROE)	16,36%	15,09%
6	EPS (Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu)	2.493,52	2.359,58

2. Thực hiện đầu tư năm 2019:

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức vốn đầu tư			Thời gian hoàn thành	Ghi chú
		Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động		
A	**Cơ sở hạ tầng**	117.928,89	35.378,67	82.550,22		
1	Kho số 01 khu 6,7ha	54.801,33	16.440,40	38.360,93	9/2019	
2	Kho số 02 khu 6,7ha	63.127,56	18.938,27	44.189,29	9/2019	
B	**Trang thiết bị và các hạng mục khác**	5.480,20	1.644,06	3.836,14		
1	10 xe nâng điện TCM	5.480,20	1.644,06	3.836,14	6/2019	
2	Hệ thống camera an ninh, giám sát toàn khu ICD LB	7.260,00	7.260,00	-	2019-2020	Chuyển sang thực hiện từ năm 2020
	TỔNG CỘNG	**123.409,09**	**37.022,73**	**86.386,36**		

3. Quỹ tiền lương năm 2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019
Người quản lý		
Quỹ lương	Triệu đồng	2.938,92
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	40,82
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	45,90
Người lao động		
Quỹ lương	Triệu đồng	32.733,89
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	13,18
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	16,80

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020:

ĐVT: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020
1	Tổng Doanh thu	407.377,47
2	Tổng Chi phí	335.127,58
	Trong đó: Lãi vay phải trả	*33.653,17*
3	Lợi nhuận trước thuế	72.249,89
4	Thuế TNDN	13.713,98
5	Lợi nhuận sau thuế	**58.535,91**
6	Tỷ suất sinh lời sau thuế trên vốn cổ phần (ROE)	15,18%
7	EPS (Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu)	2.389,00

5. Kế hoạch đầu tư năm 2020:

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức vốn đầu tư			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Ghi chú
		Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động		
A	**CSHT**					
1	Cụm kho hóa chất	63.016,92	18.905,08	44.111,84	Quý 1 – 3 năm 2020	Kho 5A, kho 5B, Kho 15A
2	Kho số 1/ Khu 36ha	118.000	23.600	94.400	Quý 3/2020	Tên gọi chính thức của các kho, theo quy hoạch của Khu dịch vụ Long Bình
3	Kho số 2/ Khu 36ha	119.000	23.600	94.000	Quý 3/2020	
B	**Trang thiết bị tài sản**					

TT	Tên dự án	Tổng mức vốn đầu tư			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Ghi chú
		Tổng	Vốn chủ sở hữu	Vốn huy động		
1	Hệ thống camera giám sát an ninh	5.266,8	5.266,8			Chuyển từ 2019 chuyển sang thực hiện cho năm 2020
	Giai đoạn 1					
1.1.1	*Hệ thống camera Địa điểm tập kết, kiểm tra, giám sát an ninh (18 camera)*	*916,8*	*916,8*		*Tháng 1/2020*	*Đưa Địa điểm kiểm tra, tập kết, thông quan hàng hóa vào hoạt động (dịch vụ bãi)*
1.1.2	*Nâng cấp hệ thống camera kho ngoại quan (68 – 70 camera)*	*1.850*	*1.850*		*Quý 2/2020*	*Thực hiện theo quy định pháp luật hải quan về hoạt động kho ngoại quan: bảo đảm quan sát trong và ngoài kho*
	Giai đoạn 2					
1.2.1	*Hệ thống camera cho Cảng cạn ICD Tân Cảng Long Bình*	*1.500*	*1.500*		***Quý 4/2020***	*Khi ICD công bố cảng cạn*
1.2.2	*Hệ thống camera giám sát an ninh kiểm soát ra vào*	*1.000*	*1.000*		***Quý 4/2020 – Quý 1/2021***	*Toàn bộ 230 ha, 1 phần kết nối với hệ thống TCT*

6. Lao động tiền lương năm 2020

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Dự kiến 2020
1	**Người quản lý**		
1.1	Quỹ lương	Triệu đồng	3.085,90
1.2	Tiền lương BQ	Triệu đồng/người/tháng	36,74
1.3	Thu nhập BQ	Triệu đồng/người/tháng	41,84
2	**Người lao động**		
2.1	Quỹ lương	Triệu đồng	34.272,00
2.2	Tiền lương BQ	Triệu đồng/người/tháng	12,00
2.3	Thu nhập BQ	Triệu đồng/người/tháng	16,40

Quỹ Khen thưởng, Quỹ Phúc lợi cho người lao động: Trích 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của lương người lao động.

Trường hợp lợi nhuận vượt kế hoạch thì ngoài trích nêu trên, trích thêm 20% phần lợi nhuận vượt nhưng tối đa không quá 3 tháng lương bình quân. Tỷ lệ cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất thông qua Đại hội đồng cổ đông.

7. Tổ chức thực hiện đối với kế hoạch, chủ trương đầu tư:

- Đối với dự án đầu tư kho 1, kho 2 của khu 36ha/ Khu dịch vụ Long Bình giai đoạn 2: chỉ thực hiện khi có chấp thuận bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền của Công ty mẹ (chủ trương đầu tư, chấp thuận dự án đầu tư).
- Hội đồng quản trị, Giám đốc chủ động lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư nêu trên; thời điểm thực hiện dự án, tất cả các thủ tục khác có liên quan đến đầu tư, xây dựng,... và triển khai dự án.
- Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc căn cứ vào thẩm quyền theo Điều lệ Công ty được quyền ký tất cả các văn bản, chứng từ, hợp đồng liên quan đến thực hiện các dự án nêu trên.
- Đối với các trường hợp đầu tư phát sinh vay vốn tại các Tổ chức tín dụng, giao Giám đốc thỏa thuận, lựa chọn Tổ chức tín dụng để bảo đảm nguồn vốn cho thực hiện các dự án đầu tư nêu trên (bao gồm cả việc ký hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các chứng từ khác theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Tổ chức tín dụng liên quan đến các khoản vay nêu trên). Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện.

- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc tự cân đối nguồn vốn (vốn tự có, vốn vay, vốn đối ứng của khách hàng, đối tác liên quan), bảo đảm hiệu quả đầu tư và không ảnh hưởng đến nguồn tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 2.

Thông qua ***Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch năm 2020.***

Điều 3.

Thông qua ***Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.***

Điều 4.

Thông qua ***Báo cáo tài chính năm 2019 đã kiểm toán (bao gồm Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất).***

Điều 5.

Thông qua ***miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty***, bao gồm các thành viên sau:

1. Hội đồng quản trị

- Ông **Ngô Trọng Phàn**
- Bà **Nguyễn Bích Hòa**

2. Ban kiểm soát

- Ông **Nguyễn Viết Trường**
- Bà **Trịnh Thị Hoài Thu**

Điều 6.

Thông qua ***Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Công ty***, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị

- Ông **Phan Anh Tuấn**
- Ông **Cao Ngọc Đức**

2. Kiểm soát viên

- Ông **Nguyễn Đức Khiêm**

Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản tri, Kiểm soát viên được bầu bổ sung nêu trên là thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Điều 7.

Thông qua ***Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020*** với một số nội dung chính như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ trích
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	**57.814,93**	
2	Quỹ Đầu tư phát triển	8.672,24	15,00%
3	Quỹ Khen thưởng	4.912,08	8,50%
4	Quỹ Phúc lợi	2.456,04	4,25%
5	Quỹ Khen thưởng Người quản lý	242,44	0,42%
6	Cổ tức	36.753,37	63,57%
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	**4.778,76**	8,27%

Tỷ lệ chi trả Cổ tức 2019: **15%.**

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 (bao gồm cả thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, thời điểm và địa điểm chi trả cổ tức, lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện chi trả cổ tức (nếu có) theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, ngay sau khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

- Tỷ lệ chi trả Cổ tức: 15%/vốn điều lệ.
- Quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi cho người lao động:
  + Trích 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của lương người lao động trường hợp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh.

    Và trường hợp lợi nhuận vượt kế hoạch thì ngoài trích nêu trên, trích thêm 20% phần lợi nhuận vượt nhưng tối đa không quá 3 tháng lương bình quân. Tỷ lệ cụ thể sẽ do Hội đồng quản trị đề xuất thông qua Đại hội đồng cổ đông.
  + Trường hợp Lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì quỹ Khen thưởng, Phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động nhân với tỷ lệ phần trăm giữa lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch.
- Quỹ thưởng cho Người quản lý (HĐQT, BKS, BGĐ, KTT): 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý công ty chuyên trách với điều kiện lợi nhuận sau thuế thực hiện tối thiểu bằng kế hoạch.

- Quỹ Đầu tư phát triển: phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản cổ tức, thù lao và các quỹ Khen thưởng, Phúc lợi với tỷ lệ trích không quá 15% lợi nhuận sau thuế.

Điều 8.

Thông qua ***Báo cáo chi phí hoạt động, quỹ khen thưởng HĐQT, BKS và người quản lý năm 2019 và kế hoạch chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, Thư ký Công ty, quỹ khen thưởng Người quản lý 2020*** như sau:

1. Báo cáo chi phí hoạt động, Quỹ Khen thưởng HĐQT, BKS và người quản lý năm 2019

a. Chi phí hoạt động HĐQT, BKS, Thư ký Công ty

ĐVT: đồng

STT	Ban điều hành	Số lượng	Thù lao /người/năm	Tổng
I	**Hội đồng quản trị**	**05**		**216.000.000**
1	Chủ tịch	01	48.000.000	48.000.000
2	Thành viên	04	42.000.000	168.000.000
II	**Ban kiểm soát**	**03**		**54.000.000**
1	Trưởng Ban kiểm soát	01	30.000.000	30.000.000
2	Thành viên	02	12.000.000	24.000.000
Tổng cộng				**284.000.000**

Nguồn:

- Trích từ chi phí hoạt động kinh doanh: 254.400.000 đồng
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành 2018 chuyển sang: 29.600.000 đồng

*Chi phí hoạt động Thư ký Công ty: 36.000.000 đồng, nguồn trích từ chi phí hoạt động kinh doanh.

b. Quỹ Khen thưởng Người quản lý 2019 (HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, KTT): **242,44** triệu đồng.

2. Kế hoạch chi phí hoạt động HĐQT, BKS, Thư ký Công ty và Quỹ khen thưởng Người quản lý năm 2020

a. Mức lương, Thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty:

ĐVT: đồng

STT	Ban điều hành	Số lượng	Mức/năm	Tổng	Ghi chú
A	**Lương, thưởng chuyên trách**			**1.140.000.000**	
1	Chủ tịch HĐQT	01	720.000.000	720.000.000	Ghi nhận trong Quỹ lương Người quản lý
2	Trưởng BKS	01	420.000.000	420.000.000	Ghi nhận trong Quỹ lương Người quản lý
B	**Thù lao**			**150.000.000**	
I	**Hội đồng quản trị**			**126.000.000**	
1	Chủ tịch	01	0	0	Hưởng lương theo chế độ tiền lương tiền thưởng chuyên trách
2	Thành viên	03	42.000.000	126.000.000	Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm Giám đốc không hưởng thù lao, hưởng theo lương, thưởng của Người quản lý
II	**Ban kiểm soát**	**03**		**24.000.000**	
1	Trưởng ban	01		0	Hưởng theo chế độ tiền lương, tiền thưởng chuyên trách
2	Thành viên	02	12.000.000	24.000.000	
Tổng cộng				**1.290.000.000**	

Đối với Thư ký Công ty: mức thù lao 24 triệu đồng/năm, tính theo thời gian giữ vị trí trong năm 2020; trích từ chi phí hoạt động kinh doanh.

Mức lương, thưởng của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, Trưởng Ban Kiểm soát trong 2020:

- Thực hiện quy định v/v chế độ tiền lương của Người quản lý chuyên trách theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 3/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước; Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối Nhà nước;

- Tổng quỹ tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách phụ thuộc vào Quỹ lương của Người quản lý năm 2020.

b. Quỹ Khen thưởng Người quản lý: 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Người quản lý Công ty chuyên trách với điều kiện lợi nhuận sau thuế thực hiện tối thiểu bằng kế hoạch.

Điều 9.

Thông qua ***Tờ trình lựa chọn Đơn vị kiểm toán các BCTC năm 2020*** với nội dung: Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2020.

Điều 10.

Thông qua ***Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty mới.***

Bản Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty thay thế cho các Bản Điều lệ (bao gồm cả phần sửa đổi, bổ sung qua các kỳ Đại hội), có hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 có hiệu lực.

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người Đại diện theo Pháp luật của Công ty triển khai các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký, điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Điều lệ mới, cụ thể: Bãi bỏ 2 ngành Bán buôn thực phẩm và Bán buôn nông sản; Bổ sung Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho hỗ trợ đường bộ (5225); Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (8110); Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan (8130). *(Đính kèm Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ)*

Điều 11.

Thông qua ***tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu ILB trên thị trường chứng khoán***: thực hiện theo quy định pháp luật của từng thời kỳ.

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Người Đại diện theo Pháp luật thực hiện rà soát ngành nghề kinh doanh và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để xác nhận tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình.

Điều 12.

Thông qua ***Tờ trình về việc hợp đồng, giao dịch của Công ty với công ty của người nội bộ hoặc liên quan đến người nội bộ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông***

1. Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

(1) Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn; (2) Công ty Cổ phần Kho Vận Tân Cảng; (3) Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng; (4) Công ty Cổ phần

ICD Tân Cảng Sóng Thần; (5) Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng; (6) Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng; (7) Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC; (8) Công ty CP Tiếp Vận Thành Long; (9) Công ty cổ phần đầu tư ICD Tân Long; (10) Công ty CP Tiếp Vận Long Bình; (11) Ngân hàng TMCP Quân đội; (12) Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa; (13) Công ty CP kho vận GNNT Mộc An Châu và một số công ty khác thuộc hệ thống của công ty mẹ, công ty liên kết là Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

2. Nội dung hợp đồng, giao dịch với các công ty trên bao gồm: thuê CSHT, cung cấp/ nhận cung cấp các dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa; đại lý khai thuê hải quan, vận tải hàng hóa; các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải; dịch vụ đóng gói; dịch vụ phân phối hàng nội địa, bốc xếp, đóng rút hàng; vệ sinh, sửa chữa container; thuê/ cho thuê thiết bị, phương tiện xếp dỡ, vận chuyển; thuê/ cho thuê bãi, văn phòng làm việc; hợp tác kinh doanh; cung cấp các dịch vụ đào tạo, giải pháp công nghệ thông tin, chăm sóc, bảo đảm cây xanh – môi trường... và các dịch vụ khác thuộc phạm vi hoạt động và phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông giao Giám đốc Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch nêu trên, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty. Giám đốc chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật đối với các giao dịch nội bộ nêu trên.

Điều 13.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình có trách nhiệm giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Trần Triệu Phú

Nơi nhận:
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS, Ban GĐ;
- Lưu: hồ sơ Đại hội.